TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 162/2023/DS-PT
Ngày 22 - 12 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Thanh Gia

Các Thẩm phán: Bà Đỗ Thị Thắm

Ông Phan Minh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Trang là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Lữ Thị Xuân Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 140/2023/TLPT-DS ngày 08 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 134/2023/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 198/2023/TLPT-DS ngày 30 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T; cư trú tại: Số D đường T, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn T1 và bà Nguyễn Thị K; đồng cư trú tại: Số B đường L, khu V, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định. (Có mặt)

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Trần Văn T1 và bà Nguyễn Thị Kiều .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T *trình bày:*

Vào ngày 13/3/2023, vợ chồng ông Trần Văn T1 và bà Nguyễn Thị K có vay của bà 550.000.000 đồng, mục đích để đáo hạn ngân hàng, thời hạn vay đến ngày 15/3/2023 sẽ trả, khi vay có viết giấy mượn tiền, lãi suất vay hai bên thoả thuận miệng là 2%/tháng. Đồng thời, ông T1 và bà K có đưa cho bà giữ Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00933 ngày 14/8/2013 (viết tắt là GCN CH00933) do Ủy ban nhân dân thị xã A cấp cho ông T1 và bà K đối với thửa đất số 1431, tờ bản đồ số 4 tại khu V, phường N, thị xã A (viết tắt là GCN CH00933).

Quá hạn trả nợ, bà nhiều lần yêu cầu ông T1 và bà K trả lại số tiền vay nói trên nhưng cho đến nay, ông T1 và bà K vẫn chưa trả tiền cho bà. Bà yêu cầu ông T1 và bà K phải trả lại cho bà một lần số tiền vay 550.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 13/3/2023 cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ với lãi suất 10%/năm.

Bị đơn ông Trần Văn T1 và bà Nguyễn Thị K thống nhất trình bày:

Từ năm 2020 đến nay, ông bà có 03 lần vay tiền của bà Nguyễn Thị T để đáo hạn ngân hàng, cứ 10 tháng đáo hạn một lần; tiền lãi thoả thuận tính theo ngày, cứ 1.000.000 đồng trả lãi 3.000 đồng/ngày. Bà T đưa tiền cho ông bà nộp vào ngân hàng để xoá thế chấp, sau khi lấy sổ ra thì ông bà thế chấp lại và trả tiền gốc, lãi cho bà T.

Ngày 13/3/2023, bà T cho ông bà vay 550.000.000 đồng, lãi suất thoả thuận 1.500.000 đồng/ngày, mục đích vay để đáo hạn ngân hàng, giao tiền tại nhà bà T. Lúc vay có viết trên mẫu giấy mượn 550.000.000 đồng, ông bà cùng ký tên vào. Sau khi ông bà trả tiền vào ngân hàng, lấy sổ ra và nộp sổ lại vào bộ phận một cửa để làm thủ tục xoá thế chấp thì được người tiếp nhận hồ sơ thông báo là ông bà đang bị Chi cục Thi hành án dân sự thị xã An Nhơn treo sổ đỏ để thi hành 02 bản án của Toà án, không được thực hiện bất kỳ giao dịch nào. Sau đó, ông bà báo tình hình cho bà T thì bà T yêu cầu ông bà làm hợp đồng công chứng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà T. Ông bà không đồng ý nên bà T buộc ông bà giao GCN CH00933 cho bà T quản lý và viết lại một giấy mượn tiền khác có nội dung là ông bà mượn của bà T 550.000.000 đồng, chữ viết và chữ ký trong giấy mượn tiền ngày 13/3/2023 là của ông bà.

Từ đó cho đến nay, ông bà chưa trả khoản tiền nào cho bà T và bà T đang giữ bản gốc GCN CH00933. Ông bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà T về số tiền gốc nhưng về số tiền lãi ông bà không đồng ý do chưa có tiền trả nợ; về thời hạn trả nợ ông bà chưa xác định được do hiện nay ông bà đang nộp đơn khiếu nại yêu cầu xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với các bản án của Toà án; khi nào có kết quả giải quyết thì ông bà sẽ thế chấp sổ đỏ vay và trả nợ cho bà T sau. Ông bà yêu cầu bà T phải trả lại GCN CH00933 cho ông bà.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 134/2023/DS-ST ngày 25/9/2023, Toà án nhân dân thị xã An Nhơn quyết định:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

- Buộc ông Trần Văn T1, bà Nguyễn Thị K có nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyễn Thị T số tiền 579.534.247 đồng (trong đó tiền vay gốc 550.000.000 đồng và tiền lãi là 29.534.247 đồng).

- Bác yêu cầu của ông Trần Văn T1, bà Nguyễn Thị K về thời hạn trả tiền, chờ giải quyết khiếu nại của vụ án khác rồi mới vay tiền trả nợ cho bà T.

- Buộc bà Nguyễn Thị T phải giao trả GCN CH00933 cho ông Trần Văn T1, bà Nguyễn Thị Kiều .

- Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí dân sự sơ thẩm, quyền nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09/10/2023 và ngày 13/10/2023, ông T1 và bà K có đơn kháng cáo yêu cầu xem xét lại một phần bản án sơ thẩm; ông T1, bà K không đồng ý trả cho bà T số tiền lãi 29.534.274 đồng và đề nghị Toà án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu của ông bà về thời hạn trả tiền, chờ giải quyết khiếu nại của vụ án khác rồi mới vay tiền trả nợ cho bà T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T1 và bà K giữ nguyên yêu cầu kháng cáo trên.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tại phiên tòa phúc thẩm: Không chấp nhận kháng cáo của ông T1 và bà K, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Bà T và vợ chồng ông T1, bà K thống nhất là vào ngày 13/3/2023, ông T1 và bà K có viết giấy mượn bà T 550.000.000 đồng, bà T là người giữ bản gốc GCN CH00933. Từ ngày 13/3/2023 cho đến nay, ông T1 và bà K chưa trả bất kỳ khoản tiền nào cho bà T.

Hợp đồng vay tài sản giữa bà T và vợ chồng ông T1, bà K là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi. Bà T yêu cầu vợ chồng ông T1, bà K phải trả lại cho bà một lần đối với số tiền vay 550.000.000 đồng và tính lãi đối với số tiền vay 550.000.000 đồng kể từ ngày 13/3/2023 là phù hợp với quy định tại Điều 463, khoản 1 và điểm a khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà T, tính lãi suất đối với số tiền vay 550.000.000 đồng là 10%/năm kể từ ngày 13/3/2023 đến ngày 25/9/2023, tương đương với số tiền lãi 29.534.247 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[2] Xét kháng cáo của ông T1 và bà K, thấy rằng:

Ông T1, bà K kháng cáo xin không trả tiền lãi và đề nghị cho thời hạn 01 năm để ông bà xoay tiền trả nợ cho bà T, chờ giải quyết khiếu nại của vụ án khác rồi mới vay tiền trả nợ cho bà T nhưng không được bà T chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của vợ chồng ông T1 và bà K, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Trần Văn T1 và bà Nguyễn Thị K mỗi người phải chịu 300.000 đồng; được trừ 300.000 đồng theo biên lai số 0001977 ngày 16/10/2023 (ông T1 nộp) và 300.000 đồng theo biên lai số 0001972 ngày 13/10/2023 (bà K nộp) của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã An Nhơn.

[4] Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông T1 và bà K, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn T1 và bà Nguyễn Thị K. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

3. Buộc ông Trần Văn T1 và bà Nguyễn Thị K có nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyễn Thị T số tiền 579.534.247 đồng (trong đó tiền vay gốc 550.000.000 đồng và tiền lãi là 29.534.247 đồng).

4. Bác yêu cầu của ông Trần Văn T1 và bà Nguyễn Thị K về thời hạn trả tiền, chờ giải quyết khiếu nại của vụ án khác rồi mới vay tiền trả nợ cho bà Nguyễn Thị T.

5. Buộc bà Nguyễn Thị T phải giao trả bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00933 do Ủy ban nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định cấp ngày 14/8/2013 cho ông Trần Văn T1, bà Nguyễn Thị K .

6. Về án phí:

6.1 Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị T không phải chịu. Hoàn trả lại cho bà T 13.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001886 ngày 04/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Ông Trần Văn T1 và bà Nguyễn Thị K phải chịu 27.181.370 đồng.

6.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Văn T1 và bà Nguyễn Thị K mỗi người phải chịu 300.000 đồng; được trừ 300.000 đồng theo biên lai số 0001977 ngày 16/10/2023 (ông T1 nộp) và 300.000 đồng theo biên lai số 0001972 ngày 13/10/2023 (bà K nộp) của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã An Nhơn

7. Về nghĩa vụ thi hành án:

7.1. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

7.2. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định;
- Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn;
- Chi cục THADS thị xã An Nhơn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Văn Thanh Gia